

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **61** /KH-UBND

Gia Lai, ngày **11** tháng **02** năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

2. Yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo tổ chức triển khai Kế hoạch này, chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, sát thực tiễn, cụ thể, khả thi để tổ chức thực hiện quyết liệt, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả; tăng cường tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch này; báo cáo và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Đến năm 2030, phấn đấu đạt một số mục tiêu cụ thể như sau:

1. Đối với nguồn nhân lực

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân phần đầu đạt khoảng 8,5%/năm. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội phần đầu giảm dưới 34%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ phần đầu khoảng 30-35%.

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%, có khả năng cung cấp nguồn nhân lực công nghệ số chất lượng cao cho khu vực và thế giới. Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực phi chính thức giảm xuống dưới 60% Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%.

- Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế. Tuổi thọ bình quân đạt khoảng 75,5 tuổi. Chỉ số phát triển con người (HDI) phần đầu đạt khoảng 0,78.

2. Đối với nguồn vật lực

- Đến năm 2030, hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, quy mô lớn.

- Đạt được các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên (đất, nước, khoáng sản), tái sử dụng, tái chế chất thải. Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GRDP

ở mức 1 - 1,5%/năm.

3. Đối với nguồn tài lực

- Bảo đảm an toàn, an ninh tài chính. Tổng đầu tư xã hội bình quân 5 năm đạt khoảng 32,2% GRDP.

4. Đối với các nguồn lực quan trọng khác

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng trên 50%. Kinh tế dữ liệu tăng gấp 3 lần tăng trưởng GRDP. Tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 25-30% GRDP. Tỷ trọng công nghiệp công nghệ số trong GDP tối thiểu 8%. Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 45%.

- Có doanh nghiệp được xếp vào danh sách doanh nghiệp có giá trị thương hiệu quốc gia. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Phân đầu đến năm 2030, tổng thu du lịch khoảng 13 - 14% GDP.

(Chi tiết các chỉ tiêu tại Phụ lục kèm theo)

III - NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong quá trình triển khai chức năng, nhiệm vụ được giao cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

a) Tập trung triển khai các cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, bảo đảm phù hợp với đường lối phát triển nhanh, bền vững, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phù hợp với Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn trong phát triển và kiến tạo động lực tăng trưởng mới, với mục tiêu huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nhất mọi nguồn lực từ Nhà nước, xã hội và người dân cho phát triển. Triển khai các cơ chế, chính sách hữu hiệu để người dân tin tưởng, an tâm bỏ vốn đầu tư, kinh doanh.

b) Thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các luật, pháp lệnh đã được ban hành. Chủ động đề xuất rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là các luật, pháp lệnh thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 đã được điều chỉnh, bảo đảm yêu cầu: kiên quyết xóa bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. Cải cách hành chính theo hướng đơn giản, minh bạch, hiện đại; triệt để phân cấp, phân quyền đi đôi với hậu kiểm và đề cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu; chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” trong quản lý nhà nước. Pháp luật phải bảo đảm tính minh bạch, thống nhất, ổn định, khả thi và có tầm nhìn chiến lược dài hạn.

c) Tiếp tục tinh gọn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, năng lực điều hành và khả năng kiến tạo phát triển. Tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát chặt chẽ và xác định rõ trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong quản lý, sử dụng các nguồn lực kinh tế.

d) Tổng kết thực tiễn, hoàn thiện thể chế trên cơ sở luật hóa các cơ chế, chính sách đặc thù, các mô hình thí điểm đã được kiểm nghiệm hiệu quả; đồng thời nghiên cứu mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng phù hợp với thực tiễn phát triển và yêu cầu đổi mới sáng tạo trong từng lĩnh vực, địa phương.

đ) Đổi mới toàn diện công tác quy hoạch theo hướng thống nhất, đồng bộ, khả thi, bền vững, gắn kết giữa các ngành, các vùng, các cấp và giữa quy hoạch với kế hoạch phát triển. Xác định quy hoạch là công cụ chủ yếu để huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn lực theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Khắc phục tình trạng cục bộ, chồng chéo, "xin - cho"; bảo đảm công khai, minh bạch trong lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, cơ sở dữ liệu dùng chung trong quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch.

e) Rà soát, kiểm kê, đánh giá và cập nhật đầy đủ các nguồn lực của nền kinh tế, bao gồm cả nguồn lực vật chất và phi vật chất, truyền thống và hiện đại; xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa, liên thông, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực, làm căn cứ cho hoạch định chính sách và quản lý hiệu quả. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong quản lý, dự báo, theo dõi, giám sát việc sử dụng nguồn lực, phục vụ quá trình hoạch định và điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn phát triển.

g) Xử lý dứt điểm các vướng mắc, tồn đọng làm chậm đưa nguồn lực vào sử dụng, như quy hoạch treo, dự án ách tắc thủ tục, đất công bỏ hoang, tài sản tranh chấp, vụ việc tồn đọng... Phối hợp liên ngành hiệu quả, gắn trách nhiệm người đứng đầu với hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực trên thực tế.

2. Nhiệm vụ và giải pháp đối với từng nhóm nguồn lực

2.1. Đối với nguồn nhân lực

a) Nhiệm vụ chung

- Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm:

+ Triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW), Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ (Nghị quyết số 71-NQ/TW); gắn với nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao chất lượng dân số.

+ Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực, giáo dục đào tạo, dân số - xã hội vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương; xác định đây là một trong những đột phá chiến lược cần tập trung thực hiện.

+ Chủ động phối hợp xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nhân lực các ngành Nhà nước ưu tiên phát triển, các ngành công nghệ nền tảng, các ngành khoa học cơ bản; thúc đẩy phát triển đại học số, đào tạo mở, học tập suốt

đòi, nâng cao năng lực ngoại ngữ và kỹ năng số cho người học.

+ Xác định danh mục vị trí việc làm cần thu hút nhân lực chất lượng cao trong khu vực công; xây dựng khung chính sách linh hoạt, cạnh tranh, phù hợp thông lệ quốc tế.

+ Đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực, nhất là từ ngân sách nhà nước, hợp tác công - tư, viện trợ quốc tế... cho phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng dân số và phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt.

+ Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, phục vụ quản lý dân cư, giáo dục, đào tạo, an sinh xã hội và thị trường lao động; thúc đẩy cung cấp dịch vụ xã hội, dịch vụ học tập và việc làm trên nền tảng số.

+ Tổ chức thực hiện các chính sách nâng cao chất lượng dân số, thích ứng với già hóa dân số nhanh, phát triển dân số bền vững; chú trọng chăm sóc sức khỏe toàn diện, cải thiện tâm vóc, thể chất, tuổi thọ và đời sống tinh thần cho người dân.

+ Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, AI trong hoạt động đào tạo, kết nối việc làm, dự báo nhu cầu nhân lực, quản lý di cư lao động; từng bước hoàn thiện hệ sinh thái học tập và làm việc trên nền tảng số.

+ Xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ, thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia trong các ngành then chốt, lĩnh vực mũi nhọn; đổi mới cơ chế tuyển dụng, trả lương gắn với năng suất, hiệu quả công việc; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực công và tư.

+ Gắn phát triển nguồn nhân lực với nhu cầu sử dụng lao động của các khu kinh tế, khu công nghiệp, dự án đầu tư trọng điểm; triển khai cơ chế “đặt hàng đào tạo” theo nhu cầu doanh nghiệp.

b) Nhiệm vụ cụ thể

- *Sở Giáo dục và Đào tạo*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

- Phối hợp triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

+ Chủ trì thực hiện Số hóa văn bằng chứng chỉ; tiếp tục triển khai đề án phát triển giáo dục STEM cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh.

+ Triển khai trường học số bao gồm: Phần mềm tổ chức thi tuyển sinh vào lớp 10; Chuyển trường học sinh, học viên; Xây dựng kho dữ liệu số, bài giảng điện tử; Xây dựng Nền tảng dạy học trực tuyến; Quản lý hồ sơ, sổ sách nhà trường; Quản lý ngân hàng đề thi; Quản lý thiết bị dạy học; Triển khai học bạ số; Kiểm định chất lượng giáo dục, theo dõi trường chuẩn quốc gia; Đánh giá mức độ chuyển đổi số các cơ sở giáo dục; Quản lý thư viện điện tử; Quản lý giáo dục nghề nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với hợp với các sở, ngành, UBND các xã, phường triển khai Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh ban hành

kèm theo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh;... nhằm tạo sự đột phá căn bản, toàn diện trong phát triển giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của tỉnh.

+ Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Phối hợp xây dựng Đề án/dự án phát triển Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn thực hiện chức năng Trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

+ Xây dựng Chương trình bồi dưỡng nghề gắn với giải quyết việc làm tại chỗ cho đồng bào người dân tộc thiểu số ở các ngành nghề phù hợp.

+ Xây dựng, ban hành, triển khai Quy chế phối hợp trách nhiệm giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách người học.

+ Tổ chức đào tạo nghề cho học sinh sau tốt nghiệp THPT, THPT và lao động nông thôn, gắn kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các doanh nghiệp, cam kết đầu ra sau khi tốt nghiệp, bảo đảm việc làm và thu nhập ổn định.

- *Sở Nội vụ:* Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Chủ trì triển khai chính sách phát triển thị trường lao động hiện đại, xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong quản lý hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động hiệu quả.

+ Triển khai các chính sách lao động, việc làm đáp ứng xu hướng già hóa dân số nhanh.

+ Xây dựng cơ chế phối hợp liên vùng, liên ngành trong quản lý di cư lao động, bảo đảm an toàn, bền vững, gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

+ Triển khai các quy định, hướng dẫn về cải cách tiền lương, thực hiện trả lương theo vị trí việc làm gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm công bằng và khuyến khích đổi mới sáng tạo.

+ Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương nâng cao năng lực phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để xây dựng kế hoạch đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực cho các nhiệm vụ phát triển của tỉnh.

- *Sở Y tế:* Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các

nhiệm vụ sau:

+ Triển khai thực hiện chính sách dân số theo hướng dân số và phát triển; chuyển trọng tâm từ kế hoạch hóa gia đình sang nâng cao chất lượng dân số.

+ Triển khai chính sách để nâng tỷ lệ sinh đạt mức thay thế bền vững, phù hợp với đặc thù vùng, miền, nhóm dân cư.

+ Tập trung triển khai các chính sách, giải pháp để cải thiện toàn diện sức khỏe người dân, nâng cao thể chất, tinh thần, tâm vóc và tuổi thọ.

+ Phối hợp hoàn thiện cơ sở dữ liệu an sinh xã hội, thúc đẩy cung cấp dịch vụ y tế số nhằm nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe.

- *Sở Khoa học và Công nghệ*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Phát triển các nền tảng số và công nghệ phục vụ cung cấp dịch vụ xã hội số.

+ Triển khai Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 góp phần kiến tạo nền tảng vững chắc cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- *Công an tỉnh*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Chủ trì kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư với hệ thống cơ sở dữ liệu an sinh xã hội; bảo đảm đồng bộ, chính xác, bảo mật thông tin.

+ Hỗ trợ xác thực danh tính công dân trong cung cấp dịch vụ công, dịch vụ xã hội số liên quan đến dân số, y tế, giáo dục và an sinh.

+ Phối hợp trong việc quản lý, giám sát biến động dân số phục vụ công tác hoạch định chính sách dân số và phát triển.

- *Sở Ngoại vụ*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai Đề án "Cơ sở dữ liệu về người Việt Nam ở nước ngoài" bao gồm cơ sở dữ liệu về chuyên gia, tri thức người Việt Nam ở nước ngoài.

2.2. Đối với nguồn vật lực

a) Nhiệm vụ chung

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm:

+ Tham mưu, xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách và hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và thích ứng dài hạn.

+ Phối hợp hiệu quả trong công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển

kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, kết nối liên vùng, liên ngành; chú trọng các lĩnh vực then chốt như giao thông, năng lượng, đô thị, logistics, hạ tầng thủy lợi, khu công nghiệp - khu chế xuất thể hệ mới, hạ tầng quốc phòng - an ninh lưỡng dụng.

+ Phối hợp phát triển các ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo như điện gió ngoài khơi, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng; đồng thời đẩy nhanh thực hiện các quy hoạch ngành năng lượng gắn với cải cách thể chế và tháo gỡ các điểm nghẽn về đầu tư, pháp lý và vận hành.

+ Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển, nhất là thông qua Quỹ phát triển hạ tầng, hợp tác công tư (PPP); chủ động rà soát, xử lý dứt điểm các vướng mắc tại các dự án đầu tư chậm tiến độ, dự án đã hoàn thành nhưng chưa đưa vào vận hành hiệu quả.

+ Thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước, phát triển kinh tế tập thể theo mô hình hiện đại; tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển lành mạnh, bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và cơ hội phát triển theo Nghị quyết số 68-NQ/TW.

+ Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công, nhất là trong các lĩnh vực tài nguyên - môi trường, năng lượng, đầu tư công, doanh nghiệp và phát triển hạ tầng; đồng thời xây dựng, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành.

+ Rà soát, đánh giá, tổng kết và kiến nghị hoàn thiện thể chế, cơ chế thực hiện các chính sách phát triển, bảo đảm thống nhất, liên thông giữa trung ương và địa phương; phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của các địa phương trong điều hành, thu hút đầu tư, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống của nhân dân.

b) Nhiệm vụ cụ thể

- *Sở Nông nghiệp và Môi trường*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Triển khai cơ chế, chính sách, pháp luật để áp dụng hiệu quả các công cụ theo nguyên tắc kinh tế thị trường trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Tổ chức quản lý chặt chẽ tài nguyên thiên nhiên, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản.

+ Tổ chức thăm dò, kiểm kê, đánh giá trữ lượng và khả năng tái tạo tài nguyên.

+ Triển khai xây dựng hệ thống chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn khai thác tài nguyên, hình thành cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng.

+ Triển khai quy hoạch tài nguyên phục vụ phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu tại vùng ven biển và khu vực dễ tổn thương. Đồng thời, quy hoạch tài nguyên cần gắn với phát triển chuỗi công nghiệp trọng điểm.

+ Bảo vệ và sử dụng bền vững đất, nước, rừng, đa dạng sinh học, phục vụ sản xuất và bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Triển khai các cơ chế vượt trội quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên chiến lược, xử lý vướng mắc tại các dự án khoáng sản lớn, thúc đẩy cấp phép, quy hoạch, bảo vệ môi trường trong khai thác.

+ Rà soát, tháo gỡ khó khăn cho các dự án khai khoáng lớn

- *Sở Tài chính*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Chủ trì tham mưu, trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn lực để thực hiện các chính sách, chủ trương cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bố trí đủ vốn cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, các công trình hạ tầng trọng điểm.

+ Triển khai chính sách thu hút đầu tư tư nhân vào hạ tầng.

+ Rà soát, xử lý các vướng mắc tại các dự án chậm triển khai, nhất là các dự án đã hoàn thành nhưng chưa đưa vào sử dụng.

+ Thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát tài chính, bảo đảm hiệu quả đầu tư công, phòng chống thất thoát, lãng phí.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ công.

+ Triển khai các giải pháp đổi mới quản lý tài chính doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư vốn nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch.

+ Triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết số 68-NQ/TW).

- *Sở Công Thương*

+ Triển khai Phương án phát triển cụm công nghiệp tích hợp trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với các công trình trọng điểm: cao tốc kết nối cảng biển, trung tâm logistics...

+ Tham mưu định hướng phát triển các chuỗi giá trị công nghiệp gắn với khai thác, chế biến sâu khoáng sản theo quy hoạch, pháp luật; định hướng thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp công nghệ cao như điện tử, bán dẫn, pin năng lượng mặt trời, xe điện, thiết bị y tế, quốc phòng, an ninh.

+ Thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao.

+ Đánh giá thực hiện quy hoạch và điều chỉnh kịp thời các quy hoạch ngành năng lượng, đặc biệt là Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng và yêu cầu phát triển.

+ Triển khai cơ chế phát triển các nguồn năng lượng mới, sạch và bền vững.

+ Phối hợp tháo gỡ vướng mắc cho các dự án hạ tầng năng lượng, thúc đẩy đầu tư, sớm khởi công và vận hành các dự án điện lớn, có ý nghĩa chiến lược.

+ Phối hợp phát triển lưới điện thông minh, hiện đại, tích hợp năng lượng tái tạo; tiết kiệm năng lượng và quản lý nhu cầu điện hiệu quả.

+ Phát triển trung tâm logistics, kết nối cao tốc, đường sắt, cảng biển cửa ngõ quốc tế.

- *Sở Khoa học và Công nghệ*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Chủ trì nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao.

+ Phát triển năng lực đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn, công nghiệp vật liệu mới.

+ Xây dựng nền tảng khoa học, công nghệ và sở hữu trí tuệ cho các chuỗi giá trị quan trọng.

- *Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Ưu tiên phát triển công nghiệp quốc phòng hiện đại, lưỡng dụng, sử dụng vật liệu, thiết bị công nghệ cao; liên kết với công nghiệp dân sinh tại các khu kinh tế - quốc phòng.

+ Tham gia khai thác, kiểm soát, bảo vệ các khu vực tài nguyên trọng yếu gắn với nhiệm vụ quốc phòng.

+ Bảo đảm quốc phòng, an ninh trong quy hoạch và đầu tư các công trình hạ tầng trọng điểm như: cao tốc Bắc - Nam, đường sắt cao tốc, cảng hàng không, cảng biển, đường sắt kết nối biên giới.

- *Công an tỉnh*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Triển khai việc xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh lưỡng dụng, hiện đại, công nghệ cao.

+ Đảm bảo an ninh, an toàn cho các dự án khai thác, chế biến khoáng sản và hạ tầng công nghiệp trọng yếu; giám sát, phòng ngừa thất thoát tài nguyên quý.

+ Phối hợp quy hoạch không gian ngầm đô thị, tích hợp các giải pháp an toàn phòng cháy chữa cháy, an ninh dữ liệu và giám sát thông minh.

- *Sở Xây dựng*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Chủ trì hướng dẫn quy hoạch, thiết kế và phát triển hạ tầng đô thị thông minh, đồng bộ; từng bước nghiên cứu, đề xuất tích hợp khai thác không gian ngầm hiệu quả.

+ Phối hợp với các bộ, ngành triển khai các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng cho các công trình hạ tầng trọng điểm như: đường sắt cao tốc Bắc - Nam, metro, trung tâm logistics, khu neo đậu tránh trú bão, công trình thủy lợi đa mục tiêu.

+ Phát triển vật liệu tính năng cao, vật liệu tái chế nhằm giảm thiểu sử dụng

tài nguyên và bảo vệ môi trường.

+ Triển khai quy hoạch hạ tầng công nghiệp, gắn với các công trình trọng điểm: cao tốc kết nối cảng biển, trung tâm logistics, cảng cá và khu neo đậu tàu cá.

- *Ban Quản lý Khu kinh tế*: Phát triển hạ tầng cho các khu công nghiệp.

2.3. Đối với nguồn tài lực

a) Nhiệm vụ chung

- Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm:

+ Cơ cấu lại nguồn thu và chi ngân sách nhà nước theo hướng bền vững, hiện đại, minh bạch và phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, hấp dẫn, tăng niềm tin và khuyến khích người dân, doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, kinh doanh thay vì tích trữ, đầu cơ.

+ Tham gia thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn FDI và ODA; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và FDI; ưu tiên các dự án có giá trị gia tăng cao, gắn với chuyển giao công nghệ, phát triển hạ tầng và chuỗi giá trị nội địa.

b) Nhiệm vụ cụ thể

- *Sở Tài chính*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Cơ cấu chi ngân sách: Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, ưu tiên cao nhất cho chi đầu tư phát triển, bảo đảm tính chủ động của ngân sách địa phương.

+ Tài chính công và quản lý nợ: Quản lý và kiểm soát rủi ro tài khóa, đảm bảo an toàn nợ công và bền vững ngân sách. Kiểm soát vốn vay đầu tư gắn với hiệu quả sử dụng và khả năng trả nợ.

+ Thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn vay, viện trợ của nước ngoài cho Chính phủ. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 50- NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài 2021 - 2030 được ban hành theo Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (Nghị quyết số 50-NQ/TW và Quyết định số 667/QĐ-TTg). Ưu tiên huy động vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cho các ngành chiến lược và hạ tầng trọng điểm.

+ Quản lý tài sản công: Triển khai các quy định, hướng dẫn, chính sách quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó bao gồm quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý). Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng tài sản công.

- *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh khu vực II*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền:

+ Triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu trên địa bàn.

+ Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi đôn đốc và giám sát các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện các giải pháp về tiền tệ, tín dụng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục triển khai các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế, các lĩnh vực theo chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo,...)

2.4. Nguồn lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Nhiệm vụ chung

- Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm:

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch hành động cụ thể để triển khai toàn diện, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW; Chương trình hành động số 04-CTr/TU; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.

+ Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực, đặc biệt trong quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh, giáo dục đào tạo, y tế, tài nguyên môi trường, nông nghiệp, quốc phòng an ninh... nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phòng chống lãng phí, góp phần nuôi dưỡng, làm giàu nguồn lực cho phát triển bền vững.

+ Ưu tiên đầu tư, nguồn lực cho nghiên cứu và phát triển, nhất là các công nghệ lõi, công nghệ nền tảng; khuyến khích các mô hình hợp tác công - tư, hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng, thương mại hóa công nghệ.

+ Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nhân lực số và thể chế số đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện; từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại các địa phương, khu vực và ngành kinh tế trọng điểm.

+ Hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm, mô hình kinh doanh mới gắn với công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, blockchain, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... nhằm tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh.

b) Nhiệm vụ cụ thể

- *Sở Khoa học và Công nghệ*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Chủ trì triển khai toàn diện, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình hành động số 04-CTr/TU tạo xung lực mới cho tăng trưởng nhanh, bền vững.

+ Ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất và đời sống nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực,

chống lãng phí, thúc đẩy phát triển bền vững.

+ Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến phục vụ khai thác, bảo vệ và phát triển bền vững các nguồn lực chiến lược như không gian vũ trụ, mặt nước, đại dương, đáy biển, góp phần nâng cao năng lực làm chủ khoa học công nghệ trong tương lai.

+ Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, phát triển sản phẩm và mô hình kinh doanh mới.

- *Sở Ngoại vụ:* Đẩy mạnh công tác ngoại giao công nghệ trong khuôn khổ song phương và đa phương nhằm thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

2.5. Nguồn lực văn hoá, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên, vị trí địa chiến lược của quốc gia

a) Nhiệm vụ chung

- Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm:

+ Phối hợp liên ngành, liên vùng và dài hạn nhằm phát huy lợi thế vị trí địa chiến lược của tỉnh trong phát triển kết cấu hạ tầng, logistics, du lịch, văn hóa, đồng thời bảo đảm quốc phòng, an ninh và mở rộng hợp tác quốc tế.

+ Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, lồng ghép với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, địa phương để tạo động lực phát triển bền vững.

+ Triển khai cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, khuyến khích hình thức hợp tác công - tư, xã hội hóa các hoạt động văn hóa; phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có giá trị gia tăng cao.

+ Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các ngành kinh tế sáng tạo như điện ảnh, âm nhạc, thời trang, ẩm thực...; tạo lập môi trường thuận lợi để các tài năng sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp văn hóa - sáng tạo có điều kiện phát triển và vươn ra khu vực, thế giới.

+ Triển khai các chính sách phát triển không gian văn hóa đặc thù, đô thị di sản, gắn kết bảo tồn với khai thác, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, bản sắc dân tộc và cảnh quan thiên nhiên; hình thành các trung tâm văn hóa - du lịch tầm khu vực và quốc tế.

+ Ưu tiên bố trí và huy động nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế di sản, các sản phẩm văn hóa chủ lực, có giá trị văn hóa, thương mại cao, phục vụ phát triển du lịch văn hóa, nghệ thuật đương đại và quảng bá hình ảnh quốc gia.

+ Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, sáng tạo, quảng bá và tiêu dùng văn hóa, hình thành hệ sinh thái văn hóa số đồng bộ từ trung ương đến địa phương.

b) Nhiệm vụ cụ thể

- *Sở Xây dựng*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Quy hoạch, quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị gắn với bảo tồn giá trị văn hoá và phát triển du lịch; bổ sung nội dung tích hợp hạ tầng văn hoá – du lịch trong quy hoạch đô thị, gắn kết với giao thông và phát triển dịch vụ, du lịch bền vững, qua đó, phát huy hiệu quả nguồn lực văn hoá, cảnh quan đô thị; quy hoạch xây dựng các mô hình đô thị văn hoá, du lịch đặc thù, làm cơ sở thu hút đầu tư và quảng bá hình ảnh địa phương.

+ Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch để thống nhất định hướng quy hoạch, tránh chồng chéo trong quản lý không gian đô thị.

- *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035; triển khai các giải pháp, chính sách thu hút nguồn lực phát triển văn hóa.

+ Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa, các loại hình nghệ thuật đương đại; ưu tiên kinh tế sáng tạo như: điện ảnh, âm nhạc, thời trang, ẩm thực...

+ Triển khai hiệu quả cơ chế hợp tác công tư để phát triển văn hóa, xây dựng các trung tâm văn hóa, du lịch đẳng cấp, phát triển kinh tế di sản, sản phẩm văn hóa chủ lực.

+ Phối hợp liên ngành, liên vùng trong bảo tồn di sản, phát huy giá trị văn hóa và cảnh quan trong phát triển bền vững du lịch.

+ Hướng dẫn xây dựng các trung tâm văn hóa, dịch vụ, du lịch tầm khu vực và quốc tế tại các địa phương có tiềm năng.

- *Sở Ngoại vụ*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, du lịch, kinh tế sáng tạo, quảng bá hình ảnh tỉnh ra các tỉnh, thành trong cả nước và thế giới, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại phục vụ cho mục tiêu phát triển quốc gia phù hợp với Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

+ Phối hợp xúc tiến thu hút nguồn lực quốc tế góp phần xây dựng và định vị thương hiệu du lịch tỉnh, quốc gia.

+ Đề xuất, thúc đẩy triển khai các cơ chế hợp tác đa phương và song phương để khai thác hiệu quả lợi thế vị trí địa chiến lược của tỉnh.

- *Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Phối hợp quy hoạch và đầu tư hạ tầng giao thông, logistics, văn hóa - du lịch tại khu vực biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa, bảo đảm kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng.

+ Tham gia bảo tồn, bảo vệ các di tích, không gian văn hóa đặc thù, giữ gìn an ninh cho các trung tâm văn hóa, du lịch trọng điểm.

+ Đảm bảo an toàn, an ninh quốc gia gắn với phát triển các tuyến giao thông, chuỗi hạ tầng liên kết vùng và khu vực.

- *Sở Tài chính*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Bố trí và cân đối nguồn lực đầu tư công cho các chương trình, dự án phát triển văn hóa, du lịch, hạ tầng liên vùng có tính chất văn hóa - dịch vụ kinh tế sáng tạo.

+ Triển khai các chính sách, giải pháp thu hút đầu tư tư nhân, FDI, PPP vào lĩnh vực văn hóa, du lịch, dịch vụ sáng tạo; phát triển hạ tầng văn hóa, các trung tâm du lịch - dịch vụ tầm khu vực và quốc tế.

+ Lồng ghép phát triển công nghiệp văn hóa, dịch vụ sáng tạo vào quy hoạch tỉnh.

+ Bảo đảm nguồn lực ngân sách địa phương theo quy định cho Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, phát triển các sản phẩm văn hóa chủ lực.

2.6. Nguồn lực thương hiệu quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam

a) Nhiệm vụ chung

- Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm:

+ Triển khai hiệu quả Chiến lược thương hiệu quốc gia, bảo đảm thể hiện được vị thế quốc gia, bản sắc văn hóa dân tộc và phẩm chất con người Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới; đồng thời hỗ trợ nâng tầm thương hiệu sản phẩm, ngành hàng, địa phương gắn với chiến lược phát triển bền vững.

+ Xây dựng và thực thi các chính sách đột phá để khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu, nhất là các sản phẩm có thể mạnh quốc gia, tiềm năng xuất khẩu và giá trị gia tăng cao trên thị trường trong nước, khu vực và thế giới.

+ Phối hợp xây dựng hệ sinh thái phát triển doanh nghiệp, trong đó tập trung: Hình thành và phát triển các doanh nghiệp quy mô lớn, có năng lực dẫn dắt các mạng sản xuất và chuỗi giá trị trong nước và quốc tế; hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh, công nghệ, quản trị và kết nối thị trường cho doanh nghiệp vừa và nhỏ; thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp toàn cầu thông qua các cụm liên kết ngành, chuỗi cung ứng, khu công nghiệp - công nghệ hỗ trợ.

+ Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và

thương hiệu doanh nghiệp Việt Nam trong nước và quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sâu vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA), tận dụng hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Truyền thông hiệu quả để nâng cao nhận thức xã hội về thương hiệu quốc gia và thương hiệu doanh nghiệp, coi đây là tài sản chiến lược của quốc gia, là yếu tố quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

b) Nhiệm vụ cụ thể

- *Sở Tài chính*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích tài chính cho doanh nghiệp quy mô lớn, doanh nghiệp dẫn dắt chuỗi giá trị; hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Bố trí nguồn lực cho các chương trình phát triển thương hiệu quốc gia và năng lực doanh nghiệp phù hợp với phân cấp ngân sách.

+ Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực quản trị, kết nối với doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp FDI.

+ Thu hút và định hướng FDI chất lượng cao, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp trong nước tham gia sâu vào các chuỗi sản xuất toàn cầu theo tinh thần của Nghị quyết số 50-NQ/TW và Quyết định số 667/QĐ-TTg.

- *Sở Công Thương*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Chủ trì triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Chương trình Thương hiệu quốc gia; phối hợp Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trong việc lồng ghép bản sắc văn hoá địa phương vào hoạt động quảng bá.

+ Triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, phát triển và quảng bá thương hiệu đối với các ngành hàng xuất khẩu chủ lực theo quy định và chương trình của Trung ương, của tỉnh.

+ Triển khai chiến lược phát triển thương hiệu quốc gia gắn với vị thế quốc gia và chiến lược phát triển doanh nghiệp Việt Nam.

+ Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy hình thành doanh nghiệp nòng cốt tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu.

+ Triển khai các giải pháp, chính sách nâng cao năng lực doanh nghiệp vừa và nhỏ, kết nối với doanh nghiệp lớn, FDI và quốc tế trong các chuỗi cung ứng ngành công nghiệp - thương mại.

- *Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Chủ trì lồng ghép bản sắc văn hóa dân tộc và hình ảnh con người Việt Nam

trong xây dựng Chiến lược thương hiệu quốc gia.

+ Phối hợp xây dựng các giá trị cốt lõi văn hóa - lịch sử - truyền thống làm nền tảng truyền thông và định vị thương hiệu Việt Nam trên thị trường quốc tế.

+ Quảng bá hiệu quả hình ảnh quốc gia thông qua các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch trong và ngoài nước.

- *Sở Khoa học và Công nghệ*: Theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Hỗ trợ doanh nghiệp, bảo hộ, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia và thương hiệu sản phẩm.

+ Triển khai, chính sách khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam đổi mới mô hình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, tăng sức cạnh tranh trên chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận công nghệ tiên tiến, kết nối hiệu quả với các doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp FDI.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Kế hoạch đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; tổ chức thực hiện Kế hoạch nghiêm túc, hiệu quả; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện tại cơ quan, đơn vị địa phương.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; tham mưu, đề xuất, điều chỉnh, bổ sung những chủ trương, chính sách, giải pháp cụ thể để thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính:

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương trong việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

- Hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao; tổng hợp, đề xuất phân bổ kinh phí hàng năm trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan cấp trên theo quy định và hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan chủ động phối hợp với các sở, ngành và UBND các xã, phường tổ chức phổ biến Kế hoạch này trong các cấp, các ngành; tăng cường thông tin, tuyên truyền, vận động để cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh biết, tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất các biện pháp thực hiện đồng bộ và có hiệu quả, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh,
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TT.PVHCC, T3.

Tuấn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh



PHỤ LỤC
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 64 /KH-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
I	Đối với nguồn nhân lực								
1.	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân	%	Số liệu do Cục Thống kê công bố				8,5		
2.	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	48,4	44,8	41,2	37,6	34	- Cơ quan chủ trì tính toán số liệu: Thống kê tỉnh - Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Nội vụ	
3.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ	%	23,6	25,2	26,8	28,4	30	- Cơ quan chủ trì tính toán số liệu: Thống kê tỉnh - Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Nội vụ	
4.	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	%					80	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.	Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực phi chính thức	%	77,6	73,2	68,8	64,4	60	- Cơ quan chủ trì tính toán số liệu: Thống kê tỉnh - Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Nội vụ	
6.	Tỷ lệ thất nghiệp	%	<3	<3	<3	<3	<3	- Cơ quan chủ trì tính toán số liệu: Thống kê tỉnh - Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Nội vụ	
7.	Duy trì vững chắc mức sinh thay thế		Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì		Sở Y tế	
8.	Tuổi thọ bình quân	Tuổi	74,4	74,8	75,1	75,3	75,5	Sở Y tế	
9.	Chỉ số phát triển con người (HDI)		Số liệu do Cục Thống kê công bố				0,78		
II.	Đối với nguồn vật lực								
1.	Đến năm 2030, hoàn thành các dự án							Các sở, ban, ngành	

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
	hạ tăng trọng điểm trong Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030								
2.	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GRDP	%	Số liệu do Cục Thống kê công bố				1-1,5	- Cơ quan chủ trì tính toán số liệu: Cục Thống kê - Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Công Thương	
III	Đối với nguồn tài lực								
	Tổng đầu tư toàn xã hội/GRDP	%/GRDP	36,3	34,5	32,5	30,8	29,2	Thống kê tỉnh	
IV	Đối với các nguồn lực quan trọng khác								
1.	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)	%	44	45,5	47	48,5	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ ¹	
2.	Kinh tế dữ liệu						3 lần tăng trưởng GRDP	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	Số liệu do Cục Thống kê công bố				25-30		
4.	Tỷ trọng công nghiệp công nghệ số trong GRDP	%					8	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.	Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo	%					45	- Cơ quan chủ trì tính toán số liệu: Thống kê tỉnh - Cơ quan triển khai thực hiện: Sở Công Thương	
6.	Tổng thu du lịch/GRDP	%/GRDP					13-14	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	

¹ Theo nhiệm vụ được phân công tại Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025-2030